ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 64 /2026/QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 09 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định cơ chế thu và sử dụng mức thu đối với dịch vụ tuyển sinh các cấp học; danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 66/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3804/TTr-SGDĐT ngày 19 tháng 8 năm 2026 và ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 581/BC-STP ngày 22 tháng 8 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định cơ chế thu và sử dụng mức thu đối với dịch vụ tuyển sinh các cấp học; danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cơ chế thu và sử dụng mức thu đối với dịch vụ tuyển sinh các cấp học đối với người học đăng ký tuyển sinh vào các cơ sở giáo dục công lập; danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí nhằm phục vụ các nhu cầu thiết yếu của trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, từ năm học 2026-2027.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục công lập) trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

b) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục công lập (sau đây gọi chung là người học) trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

c) Người học đăng ký tuyển sinh vào các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Quy định cơ chế thu và sử dụng mức thu đối với dịch vụ tuyển sinh các cấp học trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

1. Mức thu dịch vụ tuyển sinh đối với người học đăng ký tuyển sinh vào các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn là 0 đồng đối với các hình thức tuyển sinh đầu cấp gồm: tuyển sinh vào cơ sở giáo dục mầm non, lớp 1, lớp 6, lớp 10 trung học phổ thông và học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông, nếu có.

2. Các nội dung phục vụ trực tiếp công tác tổ chức tuyển sinh đầu cấp không thu của người học, gồm: hoạt động xét tuyển của Hội đồng tuyển sinh các cấp học; tổ chức kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông; duy trì, vận hành phần mềm tuyển sinh trực tuyến dùng chung cho các cấp học và các nhiệm vụ khác có liên quan.

a) Đối với kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, nội dung chi, mức chi để chuẩn bị, tổ chức kỳ thi thực hiện theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, nếu có.

b) Đối với hoạt động xét tuyển của Hội đồng tuyển sinh các cấp học và chi duy trì, vận hành phần mềm tuyển sinh trực tuyến dùng chung cho các cấp

học, được bố trí từ nguồn dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ sở giáo dục theo phân cấp ngân sách hiện hành. Nội dung chi, mức chi cho hoạt động xét tuyển của Hội đồng tuyển sinh các cấp học cụ thể như sau:

Chủ tịch Hội đồng: 385.000 đồng/người/ngày;

Phó Chủ tịch Hội đồng: 315.000 đồng/người/ngày;

Ủy viên, thư ký: 245.000 đồng/người/ngày.

3. Cơ sở giáo dục công lập, đơn vị được giao nhiệm vụ tuyển sinh được thu chi phí hồ sơ đăng ký dự tuyển để phục vụ việc đăng ký dự tuyển, xác nhận nguyện vọng, tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu thông tin, xác định đối tượng tuyển sinh, điểm ưu tiên, điểm khuyến khích, tổng hợp, chuẩn hoá dữ liệu tuyển sinh và lưu trữ hồ sơ. Mức thu tối đa đối với chi phí hồ sơ đăng ký dự tuyển như sau:

a) Đối với người học đăng ký dự tuyển vào lớp 6, lớp 10 trung học phổ thông và người học đăng ký vào học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông: 15.000 đồng/người học đăng ký dự tuyển;

b) Đối với người học đăng ký dự tuyển vào các lớp đầu cấp mầm non, tiểu học: 10.000 đồng/người học đăng ký dự tuyển.

Khoản thu chi phí hồ sơ đăng ký dự tuyển chỉ được sử dụng cho các nội dung trực tiếp liên quan đến hồ sơ đăng ký dự tuyển; không được sử dụng để chi cho các nội dung tổ chức tuyển sinh quy định tại khoản 2 Điều này, chi tiền lương, tiền công, thù lao, phụ cấp hoặc các khoản chi quản lý chung khác; việc tổ chức thu, chi phải bảo đảm nguyên tắc thu đúng, thu đủ, chi đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, thực hiện hạch toán, quyết toán, công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quy định danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

1. Danh mục các khoản thu, mức thu đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn quy định tại Phụ lục kèm Quyết định này.

Mức thu đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục quy định tại Phụ lục kèm Quyết định này là mức thu tối đa. Các cơ sở giáo dục công lập căn cứ các mức thu quy định tại Quyết định này, căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, tình hình thực tế của cơ sở giáo dục, thu nhập của cha mẹ học sinh để xây dựng và quyết định mức thu phù hợp, đảm bảo mức thu không vượt quá mức thu quy định và không nhất thiết phải thu đầy đủ các khoản thu theo danh mục quy định tại Quyết định này.

2. Cơ chế quản lý thu, chi

a) Cơ sở giáo dục công lập trước khi thu phải có dự toán thu, chi của từng khoản thu theo quy định tại khoản 1 Điều này; Dự toán xây dựng phải đảm bảo nguyên tắc xác định các khoản cần thiết để chi, tính đúng, tính đủ chi phí, thu đúng bằng chi, phải được sự thoả thuận của cha mẹ học sinh bằng văn bản trên tinh thần tự nguyện, có sự thống nhất trong tập thể nhà trường, trung tâm. Thực hiện thu đúng, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

b) Thực hiện niêm yết công khai hằng tháng các khoản thu, chi theo quy định để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân theo dõi, giám sát.

c) Các đơn vị thực hiện thu, chi các khoản thu phải lập hồ sơ, chứng từ, mở sổ sách kế toán; thực hiện hạch toán, thanh quyết toán theo quy định của pháp luật về quản lý tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Các năm học kết thúc học kỳ I và kết thúc năm học thực hiện quyết toán kinh phí, công khai tài chính theo đúng quy định pháp luật hiện hành, trong đó cần thống nhất với cha mẹ học sinh phương án xử lý đối với những khoản thu còn dư (nếu có).

Tiền thu dùng để thanh toán các nội dung chi cho hoạt động dịch vụ và thực hiện nghĩa vụ thuế (nếu có); nội dung, mức chi, các chế độ chi theo quy định pháp luật hiện hành và các khoản thực tế phát sinh theo quy định.

d) Cha mẹ học sinh có điều kiện kinh tế có thể tự nguyện đóng góp, ủng hộ cho cơ sở giáo dục công lập và học sinh với mức cao hơn Quyết định này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các sở, ngành liên quan kiểm tra việc triển khai thực hiện tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả triển khai thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện tại các cơ sở giáo dục trực thuộc trên địa bàn; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả triển khai thực hiện (Qua Sở Giáo dục và Đào tạo).

3. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh căn cứ các quy định tại Quyết định này, theo năm học xây dựng dự toán các khoản thu, thống nhất trong tập thể cơ quan, đơn vị, thực hiện quy trình xin ý kiến cha mẹ học sinh quyết định danh mục, mức thu các khoản thu, trong đó cần có thuyết minh, giải trình rõ các dịch vụ cần thiết triển khai, kinh phí thu phù hợp với chi phí của dịch vụ, phù hợp với quy đinh pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, cơ sở giáo dục, thu nhập của cha mẹ học sinh; tổ chức triển khai thực hiện, quản lý thu, chi theo đúng quy định tài chính hiện hành. Người đứng đầu cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm trước cấp trên và trước pháp luật nếu để xảy ra sai phạm, lạm thu hoặc sử dụng sai mục đích các khoản thu.

Ngoài các khoản thu được quy định tại Quyết định này và các khoản thu theo quy định của pháp luật hiện hành, các cơ sở giáo dục công lập không được tự ý đặt ra hoặc vận động thu thêm các khoản khác dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Dân tộc và Tôn giáo; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh, Báo và PTTH LS, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Trần Thanh Nhàn

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn
Cơ quan: Tỉnh Lạng Sơn
Thời gian ký: 09/09/2026 09:47:57

PHỤ LỤC

Danh mục các khoản thu, mức thu đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

(Kèm theo Quyết định số 64/2026/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Uỷ ban nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu *(nghìn đồng)*		Hình thức thu
			Cơ sở giáo dục ở xã, phường KV I	Cơ sở giáo dục ở xã KV II, KV III, Thôn ĐBKK	
I	**Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động bán trú** *(Học sinh thuộc đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước thực hiện bù, trừ giữa kinh phí được hỗ trợ với kinh phí quy định tại Quyết định này trên tinh thần thống nhất, tự nguyện)*				
1.	Dịch vụ phục vụ ăn bán trú mầm non, nhà trẻ	Học sinh/ ngày ăn thực tế	25	23	Thu theo tháng *(theo số ngày thực ăn/tháng)*
2.	Dịch vụ phục vụ ăn bán trú học sinh phổ thông				
-	Tiền ăn bán trú do nhà trường tổ chức nấu ăn	Học sinh/ Bữa ăn thực tế	28	26	Thu theo tháng *(theo số bữa thực ăn/tháng)*
-	Tiền ăn bán trú do đặt suất ăn bán trú	Học sinh/ Bữa ăn thực tế	30	28	Thu theo tháng *(theo số suất thực ăn/tháng)*
3.	Dịch vụ hỗ trợ thuê nhân viên nấu ăn	Học sinh/ tháng	100	90	Thu theo tháng
4.	Dịch vụ hỗ trợ phục vụ trông học sinh buổi trưa				
-	Cơ sở giáo dục Mầm non	Trẻ/ tháng	130	120	Thu theo tháng
-	Cơ sở giáo dục Tiểu học	Học sinh/ tháng	120	110	Thu theo tháng
5.	Dịch vụ phục vụ hoạt động				

TT	Nội dung		Đơn vị tính	Mức thu *(nghìn đồng)*		Hình thức thu
				Cơ sở giáo dục ở xã, phường KV I	Cơ sở giáo dục ở xã KV II, KV III, Thôn ĐBKK	
	bán trú cho cá nhân học sinh *(dịch vụ cung cấp vật dụng, thiết bị để tổ chức ăn, ngủ cho học sinh)*					
-	Dịch vụ tổ chức bán trú năm thứ nhất		Học sinh/ năm học	160	145	Thu theo năm học
-	Dịch vụ tổ chức bán trú từ năm thứ hai		Học sinh/ năm học	100	100	Thu theo năm học
6.	Dịch vụ quản lý/trông trẻ mầm non ngoài giờ hành chính *(trước giờ vào học buổi sáng, sau khi kết thúc giờ học buổi chiều)*		Trẻ/giờ	8,5	8	Thu theo tháng *(theo số giờ thực tế trông trẻ/tháng)*
7.	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mầm non ngày nghỉ *(thứ bảy, chủ nhật, hè; đã tính cả tiền trông trưa; không bao gồm tiền ăn)*		Trẻ/ ngày thực học	70	60	Thu theo tháng *(theo số ngày thực học/tháng)*
II	**Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động học tập**					
1	Dịch vụ tổ chức cho trẻ em mẫu giáo tham gia các hoạt động làm quen với tiếng Anh *(theo đăng ký tự nguyện của gia đình trẻ)*	100% giáo viên là người Việt Nam	Trẻ/ hoạt động	22	20	Thu theo tháng
		Có giáo viên là người nước ngoài		30	25	
		100% giáo viên là người nước ngoài		40	35	
2.	Dịch vụ tổ chức dạy bơi an					

TT	Nội dung		Đơn vị tính	Mức thu *(nghìn đồng)*		Hình thức thu
				Cơ sở giáo dục ở xã, phường KV I	**Cơ sở giáo dục ở xã KV II, KV III, Thôn ĐBKK**	
	toàn cho học sinh					
2.1.	Cơ sở giáo dục tiểu học		Học sinh/ tiết	28	25	Thu theo tiết thực học/tháng
2.2.	Cơ sở giáo dục trung học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên			25	22	
3.	Dịch vụ phục vụ trực tiếp học sinh trong công tác kiểm tra đánh giá					
3.1.	Dịch vụ phục vụ công tác kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ					
-	Cơ sở giáo dục tiểu học	Lớp 1, 2	Học sinh/ năm học	18	18	Thu theo học kỳ
		Lớp 3		24	24	
		Lớp 4,5		60	60	
-	Cơ sở giáo dục trung học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên		Học sinh/ năm học	164	164	Thu theo học kỳ
3.2.	Dịch vụ phục vụ tổ chức thi thử, luyện kỹ năng làm bài thi		Môn thi/ lần thi	15	15	Thu theo học kỳ
4	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số cho học sinh *(Sổ Liên lạc điện tử; hệ thống điểm danh bằng vân tay; các phần mềm ứng dụng trong dạy học, kiểm tra: K12Online; Onluyen.vn; VNPT E-Learning...)*		Học sinh/ Tổng các dịch vụ/ tháng	100	90	Thu theo học kỳ
III	**Dịch vụ tiện ích phục vụ, hỗ trợ hoạt động học tập**					
1.	Dịch vụ phục vụ vệ sinh trường học					

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu *(nghìn đồng)*		Hình thức thu
			Cơ sở giáo dục ở xã, phường KV I	Cơ sở giáo dục ở xã KV II, KV III, Thôn ĐBKK	
1.1.	Cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học	Học sinh/ tháng	30	25	Thu theo học kỳ
1.2.	Cơ sở giáo dục trung học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Học sinh/ tháng	20	18	Thu theo học kỳ
2.	Dịch vụ trông xe đạp, xe đạp điện	Học sinh/ tháng	30	30	Thu theo tháng
3.	Điện sử dụng điều hòa, bình nóng lạnh; Nước uống của học sinh.	Nghìn đồng/ học sinh, trẻ/tháng	Theo thực tế sử dụng		Thu theo tháng